

# CHÍNH SÁCH KINH TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP VÀ SỰ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH ĐÓ ĐẾN ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN VÙNG KHÁNG CHIẾN

*Đinh Quang Hải\**

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ (tháng 12 năm 1946), chiến sự ngày càng lan rộng, quân Pháp tăng cường mở rộng các cuộc hành quân, càn quét để bình định, củng cố những vùng đã chiếm đóng ở Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên; đồng thời chúng mở rộng đánh chiếm ra vùng Trung du và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ.

Vùng kháng chiến lúc này tập trung chủ yếu ở các vùng rừng núi, trung du và một phần ở vùng đồng bằng. Ở đó, dân không đông, địa hình phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, kinh tế nông nghiệp tư hữu nhỏ đóng vai trò chủ yếu, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp rất nhỏ bé, việc giao lưu kinh tế với bên ngoài rất ít, chủ yếu là trao đổi hàng hoá nhu yếu phẩm cần thiết cho kháng chiến và đời sống nhân dân giữa vùng tự do và vùng Pháp tạm chiếm đóng.

Đứng trước thực tế đó và trước những nhu cầu ngày càng lớn của công cuộc kháng chiến, Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đề ra chủ trương vừa “kháng chiến kiến quốc” vừa phải nỗ lực xây dựng nền kinh tế kháng chiến có tính chất dân chủ nhân dân, có khả năng tự túc, tự cấp, vừa đáp ứng nhu cầu thiết yếu của kháng chiến, vừa từng bước cải thiện đời sống của cán bộ, bộ đội và nhân dân; đồng thời kiên quyết đấu tranh chống sự phá hoại về kinh tế của thực dân Pháp, tạo những tiền đề cần thiết để xây dựng và phát triển nền kinh tế sau khi kháng chiến thắng lợi.

Xây dựng kinh tế kháng chiến chú trọng vào hai vấn đề. Đó là: phá hoại kinh tế địch và xây dựng kinh tế của ta, trong đó xây dựng kinh tế của ta là cốt lõi, là vấn đề chính được quan tâm cả về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Chủ trương phá hoại kinh tế địch bằng các biện pháp vừa tẩy chay hàng hoá của địch, vừa phá hoại kinh tế địch bằng quân sự, phá âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt”, “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh” hết sức thâm độc của thực dân Pháp. Xây dựng kinh tế của ta theo nguyên tắc “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc” và tự cung

---

\* Tiến sĩ, Viện Sử học, Việt Nam.

tự cấp về mọi mặt. Vừa kháng chiến vừa kiến quốc, nhưng không phải kháng chiến thành công rồi mới kiến thiết, mà phải kiến thiết ngay trong kháng chiến.

Dựa trên những nguyên tắc căn bản đó, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã đề ra một số chính sách kinh tế quan trọng nhằm góp phần đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi. Đó là: Tăng gia sản xuất, trước hết là nông nghiệp (bao gồm cả công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp); thực hành tiết kiệm; khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp trong xã hội thi đua phát triển sản xuất; tôn trọng quyền tư hữu tài sản hợp pháp của mọi công dân, mọi thành phần kinh tế, chỉ tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian phản động để tạm cấp cho nông dân không có ruộng, hoặc thiếu ruộng đất; đảm bảo điều kiện sống cho mọi người trong xã hội, không phân biệt thành phần vị trí, hoàn cảnh, người nghèo được lo cơm ăn, áo mặc, được học hành, người giàu được tạo cơ hội đem tài năng và phương tiện để phát triển sản xuất, góp phần của mình vào sự nghiệp kiến quốc; xây dựng và phát triển kinh tế trên cơ sở tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính, đồng thời nỗ lực tìm kiếm quan hệ kinh tế với bên ngoài. Về chính sách phá hoại kinh tế địch, có một vấn đề lớn là bao vây kinh tế địch và đấu tranh kinh tế với địch, biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta.

Những mục tiêu sản xuất trong kháng chiến đã được Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đề ra rất cụ thể là: Chỉ sản xuất những thứ cần thiết cho mặt trận và đời sống nhân dân, cần thứ gì làm ra thứ ấy. Những thứ cần là gạo, muối, vải, súng đạn, thuốc men, giấy, mực, v.v.. Hàng xa xỉ phẩm không cần làm. Trong thứ tự ưu tiên, chú trọng nhất là phát triển nông nghiệp, thứ yếu là thủ công nghiệp, thứ ba là thương nghiệp. Sau thương nghiệp mới đến công nghiệp. Trong công nghiệp, chú trọng nhất là công nghiệp quốc phòng, khai thác nguyên liệu, chú ý việc mở mang chuyên chở...

Những chủ trương và chính sách kinh tế kháng chiến đúng đắn, sáng tạo, độc lập, tự chủ phù hợp với điều kiện hoàn cảnh lúc bấy giờ đã có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc hướng dẫn, chỉ đạo chung cho quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế trong những năm đầu của cuộc kháng chiến, góp phần tạo nên sức mạnh to lớn để đánh thắng chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp.

\*

\* \* \*

Khi cuộc chiến tranh bùng nổ và ngày càng lan rộng, mức độ ác liệt ngày càng tăng, Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã lãnh đạo quân đội và nhân dân Việt Nam nhanh chóng thực hiện các biện pháp cấp tốc di chuyển máy móc, nguyên vật liệu, phá hoại đường sá, tiêu thổ kháng chiến, tổ chức tản cư để "Bảo đảm thực lực kháng chiến lâu dài"<sup>(1)</sup>; đồng thời quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, thiếu thốn, tìm mọi cách duy trì sản xuất, không để sản xuất bị đình đốn, cố gắng bảo đảm trước hết nhu cầu ăn, mặc cho bộ đội và nhân dân, từng bước xây dựng nền kinh tế kháng chiến.

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã ban hành nhiều chính sách và thực hiện nhiều biện pháp để duy trì và phát triển sản xuất, trước hết là nông nghiệp. Các cơ quan chuyên trách nông nghiệp đã được thành lập. Ở Trung ương

có Bộ Canh nông, ở các cấp Liên khu, tỉnh, huyện có Ban Canh nông. Đây là những cơ quan có nhiệm vụ thực hiện các chính sách, hướng dẫn và hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp về nhiều mặt; thực hiện giúp đỡ sản xuất nông nghiệp về các khâu: vốn, giống, kỹ thuật, thủy nông, bảo vệ sản xuất chống thiên tai, địch họa, tổ chức lại sản xuất; thi hành chính sách giảm tô 25% và từng bước giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân. Thể lệ cho vay vốn đã được thực hiện ngay từ năm 1945, nhưng đến năm 1949 đã đơn giản hoá hơn, việc cho vay tập trung để nông dân mua giống, phân bón, trâu bò, nông cụ, đẩy mạnh khai hoang, phục hoá, mở rộng chăn nuôi,... Chỉ tính từ tháng 3-1947 đến tháng 9-1948, tín dụng đã cho vay 28.164.151 đồng. Riêng về nông nghiệp có 24.622 người được vay với số tiền 29.911.571 đồng<sup>(2)</sup>. Ở Nam Bộ, các tổ chức tín dụng phát triển chậm hơn, năm 1949 cho nông dân vay 1.700.000 đồng, năm 1950 tăng lên 5.000.000 đồng<sup>(3)</sup>.

Công tác cải tiến kỹ thuật và tổ chức sản xuất tuy mới chỉ là bước đầu nhưng có ý nghĩa đáng kể. Những sáng kiến đổi mới kỹ thuật, tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân bắt sâu, diệt chuột, dùng phân bón, hướng dẫn nông dân cày sâu, bừa kỹ, gieo mạ thưa, cấy nhỏ rảnh đã được thực hiện ở nhiều nơi. Tuy điều kiện từng địa phương đã thành lập Tổ đổi công, Tổ hợp công, Hợp tác xã. Tuy nhiên, phong trào hợp tác xã chỉ rầm rộ trong những năm 1948 và 1949, đến năm 1950 thì phát triển chậm lại. Trong năm 1949 đã có 7 Trại doanh điền được chọn thí điểm chuẩn bị lập Trại doanh điền Quốc gia.

Do làm tốt các khâu phân bón, giống, vốn, cải tiến kỹ thuật, coi trọng công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai, địch họa, đẩy mạnh khai hoang, phục hoá, mở rộng diện tích, nên sản xuất nông nghiệp đã phục hồi và bước đầu phát triển. Phong trào tăng gia sản xuất lan rộng khắp các liên khu, trong các đơn vị bộ đội, trường học và cơ quan... thu nhiều kết quả tốt, góp phần cải thiện đời sống nhân dân và cung cấp cho kháng chiến.

Đặc biệt thời kỳ này, vấn đề ruộng đất cho nông dân đã được đặt ra và giải quyết từng bước. Theo thống kê năm 1948, trong tổng số 4.000.000 gia đình ở Việt Nam có 1.876.800 gia đình có ruộng đất, 2.123.200 gia đình không có ruộng đất, trong đó, số gia đình có diện tích ruộng đất dưới 5 héc-ta là 1.776.200 hộ, từ 5 đến 50 héc-ta là 94.100 hộ, trên 50 héc-ta là 6.500 hộ<sup>(4)</sup>.

Để nâng cao đời sống nhân dân, làm cho nông dân tích cực tham gia kháng chiến, Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã quyết định tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian để tạm cấp cho gia đình bộ đội, du kích và tá điền đã từng lĩnh canh trên đất đó với các mức: ở Bắc Bộ tối đa là 0,5 héc-ta/người, ở Nam Bộ tối đa là 1 héc-ta/người; đồng thời ra sắc lệnh giảm tô 25%, xoá bỏ địa tô phụ và chế độ quá điền, quy định chế độ lĩnh canh, ban hành sắc lệnh giảm tức. Tính đến đầu năm 1950, tại các Liên khu Việt Bắc, III, IV, V và Nam Bộ đã tạm cấp tổng số 58.562,6 héc-ta ruộng đất, với số người được tạm cấp ruộng đất là 50.022 người (chưa kể số người được tạm cấp ruộng đất của Liên khu IV và Nam Bộ, do chưa có số liệu thống kê)<sup>(5)</sup>.

Chính sách của Chính phủ tuy chưa giải quyết tận gốc vấn đề ruộng đất, nhưng đã cải thiện rất nhiều tình cảm của nhân dân làm cho nhân dân tin tưởng

Chính phủ, tin tưởng sự nghiệp kháng chiến, và đã có sức động viên rất lớn đối với tinh thần của các chiến sĩ ngoài mặt trận.

Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp cũng được khuyến khích phát triển, trong đó về “kỹ nghệ, chúng ta chú trọng nhất là kỹ nghệ chế tạo vũ khí và khai thác nguyên liệu”<sup>(6)</sup>. Chủ trương xây dựng và phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp theo quy mô nhỏ, phân tán, dùng công cụ sản xuất thô sơ kết hợp với máy móc, dựa vào nhân dân, dựa vào nguồn nguyên liệu trong nước, địa phương tự lập, sản xuất tự cấp, tự túc. Nhiều xưởng vũ khí được xây dựng trong các rừng sâu, hang núi để sản xuất vũ khí đạn dược. Cuối năm 1947, trên cả nước đã hình thành hệ thống xưởng quân giới gồm 200 xưởng và công trường sản xuất, sửa chữa vũ khí, chế tạo súng đạn, bom mìn, thu hút 24.000 công nhân làm việc. Đến năm 1949, cả nước đã có 130 xưởng sản xuất vũ khí với hơn 29.000 công nhân, 21 cơ sở quân dược với hơn 1.200 công nhân, 20 xưởng quân nhu với hơn 1.700 công nhân.

Đi đôi với xây dựng công nghiệp quốc phòng, Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa còn quan tâm xây dựng các ngành công nghiệp cần thiết khác cho kháng chiến và dân sinh như: khai khoáng, hoá chất, cơ khí, dệt, diêm, xà phòng, đồ gốm, đường, muối, chè, thuốc lá... Các mỏ than Phấn Mễ, Minh Khai, Đầm Đùn, Khe Bó, Quyết Thắng, Đồi Hoa... đã được khai thác trở lại. Các ngành cơ khí, hóa chất phục vụ cho dân sinh và kháng chiến như: sản xuất máy cán bông, kéo sợi, in quay tay, máy tiện, bào nhỏ, máy xay xát; chế các loại hoá chất hiếm rất cần cho kháng chiến đã được quan tâm xây dựng. Các ngành công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp như: giấy, dệt, vải, diêm, đồ da... phát triển mạnh để phục vụ nhu cầu cần thiết hàng ngày của nhân dân.

Nhìn chung, hầu hết các mặt hàng phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân đã được sản xuất. Nhiều mặt hàng trước đó phải mua trong vùng Pháp tạm chiếm đóng thì đến nay đã tự sản xuất được. Do đó đã phá tan âm mưu phong tỏa kinh tế của địch.

Thương nghiệp kháng chiến có nhiệm vụ khuyến khích, giúp đỡ sản xuất phát triển, mở rộng giao lưu hàng hoá giữa các khu vực trong vùng kháng chiến, giữ vững giá cả hàng hoá, giữ vững giá trị đồng tiền Việt Nam để bảo đảm cung cấp cho tiền tuyến và giúp đỡ nhân dân khắc phục khó khăn trong cuộc sống hàng ngày.

Để mở mang kinh tế, cải thiện dân sinh, Chính phủ giao cho “Bộ Kinh tế lập Cục vận tải để chuyên việc chuyên chở vận tải, tiếp tế, khuyến khích nội hoá, chấn chỉnh và mở mang ngoại thương, đồng thời ngăn cản việc mua dùng những thứ xa xỉ phẩm ngoại quốc”<sup>(7)</sup>. Ngày 29-2-1948, *Cục tiếp tế vận tải* được thành lập với nhiệm vụ thu mua, tổ chức, vận chuyển lương thực, thực phẩm, dầu hoả, giấy, một phần để cung cấp ngay cho bộ đội, xí nghiệp, cơ quan ở các khu căn cứ và tiếp tế cho đồng bào miền núi đang gặp khó khăn, một phần để dự trữ cho kháng chiến. Đến ngày 17-11-1950, *Sở Nội thương* được thành lập để thay thế Cục tiếp tế vận tải. Nhiệm vụ của Sở Nội thương là: mở rộng kinh doanh, mua bán tất cả các loại hàng lương thực, thực phẩm, lâm thổ sản, hàng công

ngiệp...; mở rộng đối tượng phục vụ, vừa cung cấp hàng hoá cho bộ đội, cơ quan vừa bán hàng phục vụ sản xuất và nhân dân. Ngoài ra, để hỗ trợ cho hoạt động của Nhà nước, Chính phủ còn khuyến khích “các đoàn thể và tư nhân cố gắng tổ chức chung vốn lập hợp tác xã mua bán để bổ sung cho việc tiếp tế của Chính phủ cũng như để xúc tiến việc tăng gia sản xuất”<sup>(8)</sup>.

Việc lưu thông hàng hoá trên thị trường cần phải được giải quyết, do đó Chính phủ đã cho thi hành chính sách tự do nội thương và đã đưa lại kết quả tích cực. Thương nhân đã chịu bỏ vốn kinh doanh, giao lưu hàng hoá giữa các địa phương được đẩy mạnh. Tuy nhiên, do tình trạng khan hiếm hàng hoá gây tâm lý tích trữ hàng, tiền Việt Nam bị hạ giá, giá thực phẩm, nhất là giá gạo tăng mạnh. Giá gạo tháng 5-1950 ở Hà Giang là 2.800 đồng/tạ, ở Yên Bái là 6.500 đồng/tạ, ở Nghệ An là 3.500 đồng/tạ, ở Quảng Trị là 7.000 đồng/tạ, v.v...<sup>(9)</sup>.

Nhằm giảm bớt tình trạng tăng giá, Chính phủ vận động mọi tầng lớp nhân dân tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, ăn độn gạo với ngô, khoai, sắn, không nấu rượu; thi hành chính sách “kê khai thóc gạo”, chống đầu cơ tích trữ; đồng thời quy định “Cấm không bán những loại hàng cần thiết cho đời sống nhân dân và công cuộc kháng chiến quá giá tối đa do Chính phủ quy định”<sup>(10)</sup> và thi hành giải pháp tạm thời là trả lương bằng hiện vật. Nhờ đó, tình hình giá cả đã dần dần giảm xuống, cuộc sống của nhân dân đã bớt căng thẳng, quân dân có điều kiện tập trung sức vào công cuộc kháng chiến.

Bên cạnh nội thương, hoạt động ngoại thương thời kỳ này gồm hai khu vực: trao đổi với nước ngoài (chủ yếu là thương nhân người Hoa) và buôn bán giữa vùng tự do và vùng Pháp tạm chiếm đóng. Trong đó, khu vực buôn bán giữa vùng tự do với vùng Pháp tạm chiếm đóng chiếm chủ yếu và là nội dung chính của hoạt động ngoại thương lúc bấy giờ.

Chủ trương của Việt Nam là bao vây và phá hoại kinh tế địch đi đôi với đẩy mạnh phát triển sản xuất để tự túc, tự cấp trong kháng chiến, do đó đã thúc đẩy tiêu dùng và sản xuất hàng nội hoá, tạo ra những cơ sở sản xuất mới trước đó chưa từng có, hình thành những vùng kinh tế mới ở Phú Thọ, Thái Nguyên, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Quảng Ngãi,... Mặt khác, Việt Nam tìm cách trao đổi với bên ngoài để mua bán hàng hoá cần thiết cho nhu cầu của kháng chiến và đời sống nhân dân thông qua một số chi điểm ngoại thương được lập ở một số cửa khẩu và cửa biển như: Chi cục Cao Bằng, Chi cục Thất Khê (Lạng Sơn), một số cửa biển ở miền Trung và miền Nam...

Từ năm 1948, Việt Nam chủ trương mở đường trao đổi hàng hoá với vùng Pháp tạm chiếm đóng để bán hàng lâm thổ sản và mua những hàng cần thiết phục vụ cho kháng chiến và dân sinh. Những mặt hàng được phép mang ra vùng tự do là: vải sợi, len, thuốc da, xe đạp, dép cao su, xà phòng, bàn chải, đèn pin, kim chỉ, kính, thuốc bắc, thuốc lò; những mặt hàng bị cấm là: bột mì, ca cao, bơ, phomat, thuốc lá, tơ lụa, đồ trang sức; những mặt hàng được đưa vào vùng Pháp tạm chiếm đóng là: chè, cà phê, mắm tôm, trầu cau, nấm, tre, luồng, củ nâu, rổ rá, áo tơ lá, nón, guốc, thuốc lá, thuốc lò, quế, cánh kiến, hồi, trấu, sơn, sa nhân, xương bò, thuốc phiện.

Ngoài ra, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ban hành các sắc lệnh ấn định mức thuế nhập khẩu, cấm buôn bán với địch, cải tổ *Cục Ngoại thương*...

Ngày 22-10-1948, *Ban bao vây kinh tế địch* được thành lập. Ban có nhiệm vụ nghiên cứu các biện pháp để tăng cường công tác bao vây kinh tế địch và thực hiện thể lệ về đi lại trao đổi hàng hoá giữa vùng tự do và vùng Pháp tạm chiếm đóng. Nhờ có sự tổ chức bao vây chặt chẽ, nên đạt kết quả tốt. Trong 8 tháng đầu năm 1950, công an Bắc Ninh bắt 1.562 vụ, tịch thu hàng trị giá 10.346.000 đồng; năm 1950, công an Thái Nguyên bắt 82 vụ, tịch thu hàng trị giá 2.371.830 đồng; công an Thanh Hoá tịch thu hàng trị giá 1.291.268 đồng, công an Nghệ An bắt 22 vụ, tịch thu hàng trị giá 1.120.000 đồng<sup>(11)</sup>.

Thành tích phá hoại kinh tế địch của các tỉnh cũng rất khá. Công nhân phối hợp cùng nhân dân lao động đốt chợ, đốt kho chứa hàng, biểu tình đòi tăng lương, phản đối đuổi thợ, đập phá máy móc, chặt cây cao su, đập vỡ chén đựng mũ cao su... tạo thành phong trào đoàn kết đấu tranh rất mạnh mẽ.

Chính sách quản lý ngoại thương của Việt Nam là một biện pháp quan trọng để đấu tranh kinh tế với địch, bảo vệ kinh tế Việt Nam, nhằm mục đích khơi luồng mua bán giữa vùng tự do và vùng Pháp tạm chiếm đóng. Một mặt, chính sách này đã thu hút hàng hoá cần thiết cho kháng chiến và đời sống nhân dân, ngăn không cho địch tung hàng hoá xa xỉ và tiền giả vào vùng tự do; mặt khác còn tiêu thụ vào vùng Pháp tạm chiếm đóng những hàng hoá (lâm thổ sản, hàng thủ công...) mà Việt Nam cần phải mở rộng thị trường tiêu thụ. Do đó, Việt Nam đã giải quyết được một phần khá quan trọng những nhu cầu của kháng chiến và dân sinh về thuốc men, nguyên vật liệu, nhiên liệu và hàng hoá tiêu dùng thiết yếu trong những thời gian gay go nhất của cuộc kháng chiến; đồng thời, nhờ tiêu thụ được lâm thổ sản, nên sản xuất ở vùng tự do được phát triển và đời sống của nhân dân được cải thiện hơn.

Cùng với những hoạt động về nông nghiệp, công nghiệp và thương nghiệp, các hoạt động về giao thông vận tải, tài chính, ngân hàng, thuế khoá thời kỳ này cũng được củng cố và đẩy mạnh đã đạt được kết quả tốt.

\*

\* \* \*

Việc thi hành chính sách kinh tế kháng chiến đúng đắn, sáng tạo, độc lập, tự chủ, phù hợp với tình hình thực tế trong những năm đầu của cuộc kháng chiến đã đem lại nhiều kết quả, mang một ý nghĩa hết sức quan trọng, đáp ứng những nhu cầu ngày càng tăng của cuộc kháng chiến và từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Không những đời sống vật chất được nâng lên, mà đời sống văn hoá, tinh thần của nhân dân cũng được cải thiện rõ rệt.

Hoạt động văn hoá, giáo dục và y tế trong vùng kháng chiến được quan tâm, ngày càng phát triển. Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chủ trương động viên tổ chức các lực lượng, các ngành văn hoá trên lập trường nguyên tắc dân tộc, khoa học, đại chúng để dốc sức vào công cuộc kháng chiến kiến quốc. Những sự nỗ lực lớn lao của những cán bộ hoạt động văn hoá và

đông đảo quần chúng nhân dân đã góp phần làm cho nền văn hoá kháng chiến vươn lên mạnh mẽ. Các ngành văn hoá đều thu được những thành tích đáng tự hào, có nhiều đóng góp trong việc cải thiện đời sống văn hoá tinh thần cho cán bộ, bộ đội và nhân dân.

Công tác giáo dục và đào tạo thời kỳ này cũng đã được sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc. Các bậc học Đại học, Trung học, Tiểu học, Bình dân học vụ đều phát triển, số lượng các trường, số lượng giáo viên và học sinh đều tăng. Đặc biệt phong trào Bình dân học vụ giành nhiều thắng lợi. Tính đến tháng 6-1950, cả nước đã có 10 triệu người thoát nạn mù chữ.

Những thành tích đạt được trong lĩnh vực kinh tế đã tạo nên những tiền đề và những cơ sở hết sức quan trọng để giúp Việt Nam thúc đẩy các hoạt động văn hoá, giáo dục và y tế vươn lên đạt được những kết quả quan trọng để cải thiện đời sống nhân dân.

Tóm lại, trải qua bốn năm liên tục chiến đấu và xây dựng trong hoàn cảnh đầy khó khăn thử thách, chiến trường bị chia cắt, bốn phía bị bao vây chặt chẽ, nhưng cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược vẫn vững vàng và đạt được những bước phát triển quan trọng. Chế độ dân chủ mới đã đưa lại độc lập, tự do và quyền sống thiêng liêng của người dân ngày càng được củng cố vững chắc. Trên tất cả các mặt trận chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao, văn hoá xã hội, nhân dân Việt Nam đều thu được những thành tựu quan trọng, có ý nghĩa đối với sự nghiệp kháng chiến kiến quốc. Với thắng lợi của Chiến dịch Biên giới Thu - Đông năm 1950 đánh dấu sự thất bại chiến lược của thực dân Pháp, và là một bước phát triển nhảy vọt của cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã phá vỡ thế bao vây của địch, tạo nên bước chuyển biến mới về cục diện chiến trường, làm cơ sở để cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi to lớn, tiến tới năm 1954 giành thắng lợi cuối cùng, đánh bại hoàn toàn thực dân Pháp xâm lược.

## CHÚ THÍCH

1. Chỉ thị Toàn dân kháng chiến ngày 12-12-1946. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 8, 1945-1947. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 151.
2. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 10, năm 1949. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 155.
3. Báo cáo tình hình nông nghiệp năm 1949 của Khu nông chính Việt Bắc, Liên khu IV và canh nông Nam Bộ. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III. Phòng Phủ Thủ tướng. Hồ sơ số 1849.
4. Số liệu thống kê theo Niên giám thống kê về công điện, công thổ và tạm cấp ruộng đất năm 1948. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III. Phòng Phủ Thủ tướng. Hồ sơ số 1333.
5. Báo cáo tháng 5-1950. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III. Phòng Phủ Thủ tướng. Hồ sơ số 1333.
6. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - Sự nghiệp kinh tế và văn hoá 1945-1960, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 28.
7. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 9, năm 1948, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 34.
8. *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 9, Sdd, tr. 31.
9. Chương trình báo cáo của Bộ Kinh tế về tình hình hoạt động trong năm 1949. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III. Phòng Phủ Thủ tướng. Hồ sơ số 1914.
10. Theo Đặng Phong, *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr 358.
11. Báo cáo bao vây phá hoại kinh tế địch năm 1950 của Bộ Nội vụ số RA-TU/TP. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III. Phòng Phủ Thủ tướng. Hồ sơ số 2004.